

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và
Khai thác Mỏ Vinavico**

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 26.778 tỷ đồng

Vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ sáu ngày 23 tháng 10 năm 2008 là: 26.778.000.000 VND

1.1. Địa chỉ Công ty

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại F101 nhà 17T5 Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trà Thị Bé	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Lê Chung	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Ủy viên	Ngày 6 tháng 6 năm 2008	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Giám đốc	Ngày 18 tháng 3 năm 2008	-
Ông Trần Văn Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 10 tháng 9 năm 2008	-
Ông Bùi Quốc Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 2 tháng 11 năm 2009	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Nguyễn Ngọc Khiêm, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

NGUYỄN NGỌC KHIÊM

Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 09-01-058

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 5 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, được trình bày cho mục đích so sánh, được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2009.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của vấn đề thảo luận trên đây, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		47.364.293.888	38.223.998.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.473.990.702	2.345.990.713
1. Tiền	111	3	1.473.990.702	2.345.990.713
II. Đầu tư ngắn hạn	120		2.017.000.000	3.020.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	4	2.710.000.000	3.095.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(693.000.000)	(75.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.594.683.638	27.390.972.859
1. Phải thu khách hàng	131		20.457.955.956	24.075.057.208
2. Trả trước cho người bán	132		4.076.476.574	3.230.194.242
5. Các khoản phải thu khác	135	6	60.251.108	85.721.409
IV. Hàng tồn kho	140	7	16.316.127.307	5.166.695.364
1. Hàng tồn kho	141		16.316.127.307	5.166.695.364
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.962.492.241	300.340.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	127.108.263	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.835.383.978	300.340.000
B. Tài sản dài hạn	200		32.001.584.149	18.683.737.328
II. Tài sản cố định	220		17.551.768.426	13.757.085.278
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	15.951.768.426	13.757.085.278
- Nguyên giá	222		23.393.494.607	17.692.213.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.441.726.181)	(3.935.128.354)
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.600.000.000	-
- Nguyên giá	228		1.600.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.700.000.000	4.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	13.700.000.000	4.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		749.815.723	126.652.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	749.815.723	56.652.050
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	70.000.000
Tổng cộng tài sản	270		79.365.878.037	56.907.736.264

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Nợ phải trả	300		47.683.689.204	26.685.661.954
I. Nợ ngắn hạn	310		47.431.523.367	25.426.196.117
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	13.138.200.000	5.025.786.410
2. Phải trả người bán	312		27.076.886.725	17.587.618.783
3. Người mua trả tiền trước	313		-	192.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.329.789.986	1.470.529.627
5. Phải trả người lao động	315		1.984.670.009	1.017.410.807
6. Chi phí phải trả	317	14	3.095.903.804	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	705.797.388	85.316.490
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		100.275.455	47.534.000
II. Nợ dài hạn	330		252.165.837	1.259.465.837
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	242.700.000	1.250.000.000
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.465.837	9.465.837
B. Vốn chủ sở hữu	400		31.682.188.833	30.222.074.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	31.682.188.833	30.222.074.310
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.778.000.000	26.778.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.750.000	75.750.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		455.000.000	160.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		145.000.000	52.000.000
9. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	419		64.201.696	34.859.731
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.164.237.137	3.121.464.579
Tổng cộng nguồn vốn	440		79.365.878.037	56.907.736.264

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
4. Nợ khó đòi đã xử lý		374.649.627	374.649.627

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu	01	17	51.123.126.400	39.750.816.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		51.123.126.400	39.750.816.787
4. Giá vốn hàng bán	11	18	(45.068.754.290)	(34.198.318.306)
5. Lợi nhuận gộp	20		6.054.372.110	5.552.498.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	163.290.621	300.320.598
7. Chi phí tài chính	22	20	(1.510.033.155)	(952.239.636)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(892.033.155)</i>	<i>(877.239.636)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(2.186.684.003)	(879.587.408)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.520.945.573	4.020.992.035
11. Thu nhập khác	31	22	2.555.540.640	3.508.632
12. Chi phí khác	32		(6.713.989)	(7.194.839)
13. Lợi nhuận khác	40		2.548.826.651	(3.686.207)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		5.069.772.224	4.017.305.828
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(905.535.087)	(1.057.576.210)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		4.164.237.137	2.959.729.618
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.555	1.318

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.069.772.224	4.017.305.828
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	3.686.967.456	2.768.992.964
Các khoản dự phòng	03	618.000.000	75.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(163.290.621)	(244.110.982)
Chi phí lãi vay	06	892.033.155	877.239.636
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	134.136.980	(8.946.887.743)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(11.149.431.943)	(3.461.131.665)
Thay đổi các khoản phải trả	11	12.610.263.807	4.894.874.545
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	(43.233.117)
Tiền lãi vay đã trả	13	(840.588.711)	(877.239.636)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.297.052.951)
Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15/16	(5.118.276)	(66.466.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.852.744.071	(2.302.709.121)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.774.814.277)	(7.098.296.394)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.300.000.000)	(6.622.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.685.000.000	1.010.000.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.100.000.000)	-
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	7.800.000.000	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	163.290.621	320.342.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.526.523.656)	(12.389.953.415)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	3.733.750.000
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.501.563.594	9.056.735.199
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(13.396.450.004)	(2.780.948.789)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(2.303.334.016)	(1.472.848.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.801.779.574	8.536.687.775
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(872.000.011)	(6.155.974.761)
Tiền tồn đầu năm	60	2.345.990.713	8.501.965.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	1.473.990.702	2.345.990.713

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

NGUYỄN NGOC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 26.778 tỷ đồng

Vốn cổ phần của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 26.778.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại F101 nhà 17T5, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam*

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. *Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền*

a) *Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng*

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array}} + \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Quyền khai thác mỏ đá trắng

Quyền khai thác mỏ đá trắng tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với thời gian khai thác là 30 năm bao gồm chi phí liên quan phát sinh được Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên Môi trường, Cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam quyết định cho phép khai thác từ tháng 8 năm 2009. Đến tháng 12 năm 2009, Công ty dùng Quyền khai thác mỏ đá trắng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Vinavico, trong đó góp vốn cho giai đoạn 1 ngay khi ký hợp đồng là 50% giá trị quyền khai thác và 50% còn lại được xác định là 5 ngày kể từ ngày Công ty có báo cáo kết quả thăm dò với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được các cơ quan này xác nhận kết quả thăm dò.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hơn 1 năm đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng chủ sở hữu.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tiền mặt	1.091.958.885	152.613.492
Tiền gửi ngân hàng	382.031.817	2.193.377.221
	1.473.990.702	2.345.990.713

Các khoản giao dịch không bằng tiền trọng yếu trong năm được loại khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Nội dung	2009	2008
Góp vốn vào đơn vị thành viên bằng tài sản cố định	1.600.000.000	-
Góp vốn vào đơn vị thành viên bằng chi phí đầu tư khai thác mỏ đá trắng Khu Ca - Yên Bái	3.044.459.360	-
	4.644.459.360	-

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần và Phát triển Giao thông Thủy Lợi	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Long	-	300.000.000
Nguyễn Hữu Hiệng	-	225.000.000
Trần Thiện Chiến	-	200.000.000
Đình Thanh Bình	-	100.000.000
Cao Thị Thúy Hà	-	100.000.000
Các đối tượng khác	-	60.000.000
	2.710.000.000	3.095.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,55%/tháng.

5. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Nội dung	2009	2008
Số dư đầu năm	75.000.000	-
Tăng dự phòng trong năm	618.000.000	75.000.000
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	693.000.000	75.000.000

Đây là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico đã quá hạn với mức trích lập là 70% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico với mức trích lập là 30%.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Phải thu khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Lãi cho vay phải thu	60.251.108	84.870.087
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội	-	851.322
	60.251.108	85.721.409

7. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Nguyên liệu, vật liệu	1.953.526.264	1.185.244.845
Công cụ, dụng cụ	72.451.511	50.407.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.717.186.934	3.901.706.660
Hàng gửi đi bán	1.572.962.598	29.336.859
	16.316.127.307	5.166.695.364

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.972.678	-
Tạm ứng	2.668.411.300	300.340.000
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	-
	2.835.383.978	300.340.000

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.406.583.904	189.187.499	96.442.229	17.692.213.632
Tăng trong năm	4.592.038.837	1.063.347.090	45.895.048	5.701.280.975
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	<i>4.592.038.837</i>	<i>1.063.347.090</i>	<i>45.895.048</i>	<i>5.701.280.975</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21.998.622.741	1.252.534.589	142.337.277	23.393.494.607
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	3.906.070.669	21.020.833	8.036.852	3.935.128.354
Tăng trong năm	3.239.118.423	207.492.334	59.987.070	3.506.597.827
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.145.189.092	228.513.167	68.023.922	7.441.726.181
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	13.500.513.235	168.166.666	88.405.377	13.757.085.278
Số dư cuối năm	14.853.433.649	1.024.021.422	74.313.355	15.951.768.426

Nguyên giá và giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được lần lượt là 16.563.271.818 đồng và 10.443.889.566 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty con	31.12.2009		31.12.2008	
	Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinavico	-	-	480.000	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Vinavico	1.250.000	13.700.000.000	-	-
	1.250.000	13.700.000.000	480.000	4.800.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	53.318.718	127.150.572	(76.453.585)	104.015.705
Chi phí thiết kế website	3.333.332	-	(3.333.332)	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	746.382.730	(100.582.712)	645.800.018
Cộng	56.652.050	873.533.302	(180.369.629)	749.815.723

12. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Vay ngắn hạn	11.700.000.000	2.425.786.410
Vay ngân hàng	3.700.000.000	2.425.786.410
Vay các bên liên quan	6.500.000.000	-
Vay cá nhân	1.500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.438.200.000	2.600.000.000
Vay ngân hàng	1.438.200.000	2.600.000.000
Vay dài hạn	242.700.000	1.250.000.000
Vay ngân hàng	242.700.000	1.250.000.000
Cộng	13.380.900.000	6.275.786.410

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2009
Vay ngắn hạn					11.700.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Ba Đình	6	29/4/2010	10,50%	Tín chấp	3.700.000.000
- Công ty Cổ phần Vinavico	4	31/3/2010	8%	Tín chấp	6.500.000.000
- Cá nhân	1	31/1/2010	12%	Tín chấp	1.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả					1.438.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	12	31/12/2010	10,5-12,75%	Tài sản	1.438.200.000
Vay dài hạn					242.700.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	30-36	21/10/2012	10,5-12,75%	Tài sản	242.700.000
Cộng					13.580.900.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
<i>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</i>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	4.952.336.095	(4.825.227.832)	127.108.263
	-	4.952.336.095	(4.825.227.832)	127.108.263
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.039.329.504	5.113.019.624	(6.152.349.128)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.105.855	905.535.087	-	1.318.640.942
Thuế thu nhập cá nhân	18.094.268	15.485.185	(22.430.409)	11.149.044
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.470.529.627	6.037.039.896	(6.177.779.537)	1.329.789.986

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

<u>Dịch vụ</u>	<u>Thuế suất</u>
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 30% số thuế phải nộp trong năm 2009 do Công ty có số lao động bình quân nhỏ hơn 300 lao động theo thông tư số 03/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.069.772.224	4.017.305.828
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	104.713.989	66.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	101.500.000	66.000.000
- Phụ cấp Hội đồng quản trị	101.500.000	66.000.000
- Tiền phạt nộp chậm thuế	3.213.989	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	5.174.486.213	4.083.305.828
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	5.174.486.213	4.083.305.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	1.293.621.553	1.143.325.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(388.086.466)	(85.749.422)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	413.105.855	652.582.596
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(1.297.052.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	1.318.640.942	413.105.855

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Chi phí khoan thăm dò mỏ đá	1.204.897.472	-
Chi phí làm đường và lán trại vào mỏ đá	1.839.561.888	-
Chi phí lãi vay	51.444.444	-
	3.095.903.804	-

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Bảo hiểm xã hội và y tế phải nộp	150.342.996	37.075.012
Kinh phí công đoàn	132.672.525	47.450.813
Cổ tức phải trả	272.928.867	-
Trần Ngọc Tuấn - nộp tiền mua cổ phần	149.853.000	-
Phải trả khác	-	790.665
	705.797.388	85.316.490

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2008	20.000.000.000	60.000.000	-	-	-	1.935.443.327	21.995.443.327
Tăng vốn trong năm	6.778.000.000	15.750.000	-	-	-	-	6.793.750.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	160.000.000	52.000.000	34.859.731	(246.859.731)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.959.729.618	2.959.729.618
Chi khen thưởng từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Chia cổ tức năm 2007	-	-	-	-	-	(1.472.848.635)	(1.472.848.635)
Số dư 31.12.2008	26.778.000.000	75.750.000	160.000.000	52.000.000	34.859.731	3.121.464.579	30.222.074.310
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	295.000.000	93.000.000	64.201.696	(545.201.696)	(93.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.164.237.137	4.164.237.137
Chi thưởng ban quản lý công ty	-	-	-	-	(34.859.731)	-	(34.859.731)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(2.576.262.883)	(2.576.262.883)
Số dư 31.12.2009	26.778.000.000	75.750.000	455.000.000	145.000.000	64.201.696	4.164.237.137	31.682.188.833

Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2009	2008
Vốn cổ phần đầu năm	26.778.000.000	20.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	6.778.000.000
Vốn cổ phần cuối năm	26.778.000.000	26.778.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	2.576.262.883	1.472.848.635

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Cổ phiếu

Nội dung	2009	2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.677.800	2.677.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.677.800	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.677.800</i>	<i>2.677.800</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.677.800	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.677.800</i>	<i>2.677.800</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Doanh thu

Nội dung	2009	2008
Doanh thu hoạt động xây lắp	48.753.011.771	35.076.290.105
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.370.114.629	4.674.526.682
	51.123.126.400	39.750.816.787

18. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2009	2008
Giá vốn hoạt động xây lắp	42.921.804.855	29.691.951.434
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.146.949.435	4.506.366.872
	45.068.754.290	34.198.318.306

19. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.592.427	56.209.616
Lãi tiền cho vay	134.698.194	244.110.982
	163.290.621	300.320.598

20. Chi phí tài chính

Nội dung	2009	2008
Chi phí lãi vay	892.033.155	877.239.636
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	618.000.000	75.000.000
	1.510.033.155	952.239.636

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2009	2008
Chi phí nhân viên quản lý	1.189.713.667	659.327.124
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.793.963	15.768.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.189.337	8.036.852
Thuế, phí và lệ phí	5.800.000	3.009.823
Chi phí dự phòng	-	9.465.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	696.587.146	126.405.868
Chi phí bằng tiền khác	104.599.890	57.573.531
	2.186.684.003	879.587.408

22. Thu nhập khác

Nội dung	2009	2008
Đánh giá lại tài sản góp vào Công ty Cổ phần Vinavico	2.555.540.640	-
Thu nhập khác	-	3.508.632
	2.555.540.640	3.508.632

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	4.164.237.137	2.959.729.618
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	4.164.237.137	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.677.800	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	244.935
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	2.677.800	2.244.935
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.555	1.318

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2009	2008
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	47.779.157.054	38.368.838.316
		Mua vật tư, hàng hoá	(5.621.668.882)	(6.756.638.535)
		Tạm ứng cổ tức	(706.272.423)	
		Phí bảo lãnh	(288.498.183)	
		Thuê máy móc	(153.694.239)	
		Mua tài sản cố định	(223.000.000)	(7.014.000.000)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2009	2008
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	(13.700.000.000)	-
		Mua tài sản cố định	(3.686.475.000)	-
		Phí tư vấn giấy phép	(3.200.000.000)	-
		Chi phí thầu phụ	(1.238.930.751)	-
		Nhận tiền vay	(6.500.000.000)	-
		Lãi vay phải trả	(51.444.444)	-

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			31.12.2009	31.12.2008
Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	150.000.000	150.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Góp vốn	13.700.000.000	-
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	20.230.742.452	24.023.973.208
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Vật tư, hàng hoá	(5.249.478.780)	(5.800.513.100)
Công ty Cổ phần Vinavico	Công ty liên kết	Mua tài sản	(4.130.458.105)	-

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty.

25. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2010.

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng